

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH GIA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Ngọc và bà Khương Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: không

Ngày 11/01/2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/11/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1983

- Bị đơn: Anh Ngũ Văn Q - Sinh năm: 1983

Đều ĐKKHKT: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2017 của chị Nguyễn Thị H yêu cầu tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi và anh Ngũ Văn Q tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 22/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc. Anh Q thường xuyên say xỉn, đánh đập tôi khiến tôi không thể chịu đựng được. Vợ chồng tôi sống ly

thân từ năm 2012 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, ai lo phận người đó. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là: Ngũ Kim H – Sinh ngày: 20/8/2007. Lâu nay cháu H ở với tôi. Nếu được ly hôn, nguyện vọng của tôi xin được nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Theo Bản tự khai ngày 27/10/2017, anh Ngũ Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 22/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Cũng có vài ba lần tôi đánh vợ. Vợ chồng tôi đã ly thân 05 năm nay (từ năm 2012), không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, ai lo phận người đó. Nay vợ tôi làm đơn xin ly hôn thì tôi không đồng ý. Tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn nên tôi xin được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là: Ngũ Kim H – Sinh ngày: 20/8/2007. Lâu nay cháu H ở với mẹ. Nếu ly hôn, nguyện vọng của tôi xin được nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Q là bị đơn trong vụ án, đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh Q thường xuyên đánh đập chị H. Từ năm 2012 đến nay anh chị đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Do đó có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Q không

còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H được ly hôn anh Q.

[3] Về con chung: Chị H và anh Q có một con chung là: Ngũ Kim H – Sinh ngày: 20/8/2007

Mặc dù cả hai bên đương sự đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, xét thấy chị H có việc làm và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để chăm sóc cháu Huệ. Do đó cần giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Vì vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để giao cháu Huệ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Do đó hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản: Chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Hai bên không thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án để buộc chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án,

- Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Ngũ Văn Q.

- Về Con chung: Giao cháu Ngũ Kim H cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc cháu Huệ, không ai được cản trở.

- Về Tài sản: Chị H và anh Q không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Án phí: Buộc chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002519 ngày 26/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị H, vắng mặt anh Q. Tuyên bố chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bắc

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Ngọc

Khương Thi Thanh

Nguyễn Văn Bắc